

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>5 - 8</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>9</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>10 - 11</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>12 - 34</b>

\*\*\*\*\*





**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà theo Quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105454, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 2 năm 2005 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 0100105454, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp về bổ sung ngành nghề kinh doanh.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 8 542 209
- Fax : 0243 8 545 855

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà – Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà – Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	Nhà G10, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch	Ngày 09 tháng 06 năm 2020
Ông Đinh Văn Duẩn	Thành viên	Ngày 09 tháng 06 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	Ngày 09 tháng 06 năm 2020
Ông Cù Văn Vinh	Thành viên	Ngày 09 tháng 06 năm 2020
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên	Ngày 09 tháng 06 năm 2020

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng ban	Ngày 09 tháng 06 năm 2020
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Ngày 09 tháng 06 năm 2020
Bà Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên	Ngày 09 tháng 06 năm 2020



**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm
Ông Đinh Văn Duẩn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 06 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2018
Ông Phùng Hồng Quảng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2021

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đinh Văn Duẩn - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 06 năm 2020).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Đinh Văn Duẩn**

Ngày 07 tháng 3 năm 2022



Số: 2.0131/22/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2022

**Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963-2020-008-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>66.708.659.628</b>	<b>75.025.655.896</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.713.632.327</b>	<b>3.217.091.448</b>
1. Tiền	111		3.013.632.327	2.517.091.448
2. Các khoản tương đương tiền	112		700.000.000	700.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.100.000.000</b>	<b>4.360.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	4.100.000.000	4.360.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>41.735.929.059</b>	<b>46.440.257.180</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	55.134.697.770	59.501.754.690
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		214.960.435	129.960.435
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	7.034.044.240	7.034.044.240
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	7.936.313.399	7.196.737.423
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(28.584.086.785)	(27.422.239.608)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>16.804.585.248</b>	<b>20.814.037.570</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	16.804.585.248	20.814.037.570
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>354.512.994</b>	<b>194.269.698</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	354.512.994	194.269.698
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>17.606.610.451</b>	<b>17.185.836.862</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>14.081.905.466</b>	<b>12.355.346.668</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	14.061.905.466	12.275.346.668
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		20.000.000	80.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.134.548.036</b>	<b>2.600.745.058</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.134.548.036	2.600.745.058
<i>Nguyên giá</i>	222		17.563.007.714	17.948.505.951
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15.428.459.678)	(15.347.760.893)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.198.270.827</b>	<b>1.436.056.093</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	1.837.000.000	1.837.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	2.950.134.564	3.900.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(3.588.863.737)	(4.300.943.907)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>191.886.122</b>	<b>793.689.043</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	191.886.122	793.689.043
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>84.315.270.079</b>	<b>92.211.492.758</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>33.695.555.618</b>	<b>42.130.325.056</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>29.738.863.209</b>	<b>37.710.827.472</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.267.894.019	2.445.969.574
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	8.084.519.642	8.989.491.204
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.427.718.066	581.202.763
4. Phải trả người lao động	314		6.763.425.009	4.905.690.859
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		86.818.182	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	8.814.378.440	11.442.880.420
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	2.084.907.584	8.093.918.385
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	1.209.202.267	1.251.674.267
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.956.692.409</b>	<b>4.419.497.584</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		3.580.692.409	3.948.497.584
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	300.000.000	300.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	76.000.000	171.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>50.619.714.461</b>	<b>50.081.167.702</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>50.619.714.461</b>	<b>50.081.167.702</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.502.618.712	8.502.618.712
5. Cổ phiếu quỹ	415		(620.000)	(620.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.487.458.313	13.487.458.313
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.533.157.436	1.994.610.677
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		132.258.677	1.994.610.677
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.400.898.759	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>84.315.270.079</b>	<b>92.211.492.758</b>

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng



Lê Minh Quyết

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Duẩn



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	47.434.128.319	52.248.674.523
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.434.128.319	52.248.674.523
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	37.113.087.162	41.813.648.810
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.321.041.157	10.435.025.713
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.993.805.343	774.620.657
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(320.781.915)	1.511.847.086
Trong đó: chi phí lãi vay	23		387.221.430	866.142.760
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.815.811.482	8.095.134.113
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.819.816.933	1.602.665.171
11. Thu nhập khác	31	VI.6	9.171.028	5.595.099
12. Chi phí khác	32	VI.7	30.216.642	4.182.217
13. Lợi nhuận khác	40		(21.045.614)	1.412.882
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.798.771.319	1.604.078.053
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	397.872.560	225.156.438
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.400.898.759	1.378.921.615
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Minh Thuận

Lê Minh Quyết

Đinh Văn Duẩn



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.798.771.319	1.604.078.053
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	797.106.113	913.998.625
- Các khoản dự phòng	03	VI.4; 5	449.767.007	67.923.575
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(3.039.758)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; 6	(2.001.441.707)	(774.167.878)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	387.221.430	866.142.760
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.431.424.162	2.674.935.377
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.545.445.229	9.087.584.667
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.009.452.322	2.267.791.655
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.060.430.281)	(9.258.786.857)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		441.559.625	927.095.705
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(387.221.430)	(866.142.760)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(320.904.916)	(406.255.383)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.14	(600.000.000)	(542.490.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>7.059.324.711</b>	<b>3.883.732.404</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(330.909.091)	(232.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	7.636.364	5.542.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.100.000.000)	(3.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.360.000.000	4.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.971.350.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		242.797.696	135.492.557
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.150.874.969</b>	<b>209.035.284</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.13	9.081.443.425	13.586.849.323
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.13	(15.185.454.226)	(15.943.516.010)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.609.648.000)	(1.304.824.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.713.658.801)	(3.661.490.687)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		496.540.879	431.277.001
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.217.091.448	2.782.774.689
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	3.039.758
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.713.632.327	3.217.091.448

Người lập biểu



Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng



Lê Minh Quyết

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Duẩn



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam, do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 có ảnh hưởng lớn đến Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không thể ước tính được một cách hợp lý các ảnh hưởng của đại dịch Covid đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### 6. Cấu trúc Công ty

##### *Các Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà có trụ sở chính tại thôn Lai Xá, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 73,5%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 159 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 197 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dự thu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định cho từng công trình như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Giá vốn} \\ \text{kinh doanh dở dang} & = & \text{kinh doanh dở dang} & + & \text{kinh doanh phát sinh} & - & \text{hàng bán} \\ \text{cuối năm} & & \text{đầu năm} & & \text{trong năm} & & \text{trong năm} \end{array}$$

Trong đó: Giá vốn hàng bán của công trình được xác định bằng doanh thu ghi nhận trong năm nhân với (x) tỷ lệ khoán chi phí của công trình.

Giá xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 10. **Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức được chia***

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### 14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt	37.173.685	367.540.979
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.976.458.642	2.149.550.469
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	700.000.000	700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.713.632.327</b>	<b>3.217.091.448</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng.

**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>1.837.000.000</b>	<b>(1.188.863.737)</b>	<b>1.837.000.000</b>	<b>(1.193.056.107)</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà <sup>(i)</sup>	1.837.000.000	(1.188.863.737)	1.837.000.000	(1.193.056.107)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>2.950.134.564</b>	<b>(2.400.000.000)</b>	<b>3.900.000.000</b>	<b>(3.107.887.800)</b>
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie <sup>(ii)</sup>	2.400.000.000	(2.400.000.000)	2.400.000.000	(2.400.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà <sup>(iii)</sup>	550.134.564	-	1.500.000.000	(707.887.800)
<b>Cộng</b>	<b>4.787.134.564</b>	<b>(3.588.863.737)</b>	<b>5.737.000.000</b>	<b>(4.300.943.907)</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800921560 thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 7 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà 1.837.000.000 VND, tương đương 73,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký (không thay đổi so với số đầu năm).

(ii) Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie đang lập hồ sơ, thủ tục phá sản, do đó, khoản đầu tư này đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.

(iii) Trong năm Công ty đã bán 152.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà với giá bán là 1.971.350.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 88.034 cổ phiếu, tương đương 0,88% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (số đầu năm là 240.034 cổ phiếu, tương đương 2,4% vốn điều lệ).

**Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.173.199.773 VND. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(4.300.943.907)	(3.655.239.581)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(645.704.326)
Hoàn nhập dự phòng	712.080.170	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(3.588.863.737)</b>	<b>(4.300.943.907)</b>

### Giao dịch với công ty con

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con.

### 3. Phải thu của khách hàng

#### 3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>26.191.830.014</b>	<b>29.506.358.027</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	5.560.373.070	7.438.221.413
Cơ quan Tổng công ty	344.217.950	312.970.950
BĐH DA Thủy điện Bản Vẽ	444.185.660	444.185.660
BĐH DA Thủy điện Xekaman 3	3.725.238.425	3.725.238.425
BĐH DA Thủy điện Hòa Na	155.003.971	155.003.971
BĐH DA Thủy điện Huội Quảng		1.202.057.995
BĐH DA Thủy điện Lai Châu	218.622.102	218.622.102
BĐH DA Thủy điện Đồng Nai 5	673.104.962	1.380.142.310
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	3.212.896.478	3.222.896.478
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	623.926.495	623.926.495
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.454.518.763	1.454.518.763
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.426.475.381	1.036.475.381
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.313.753.826	3.307.183.390
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.669.436.018	1.261.630.057
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.015.702.346	1.115.702.346
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.614.563.940	2.376.115.091
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	338.416.876	338.416.876
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	358.209.064	358.209.064
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	75.000.000	426.976.478
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	17.582.000	17.582.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	5.605.812.092
Công ty TNHH Xekaman 3	351.604.776	168.214.653
Công ty Cổ phần Sông Đà 3 - Đắk Lô	541.532.000	541.532.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	12.026.889	212.945.450
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>28.942.867.756</b>	<b>29.995.396.663</b>
<b>Cộng</b>	<b>55.134.697.770</b>	<b>59.501.754.690</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>9.029.155.120</b>	<b>8.343.062.813</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	2.978.369.527	2.978.369.527
Cơ quan Tổng công ty	449.431.838	449.431.838
BĐH DA Thủy điện Bản vẽ	272.836.654	272.836.654
BĐH DA Thủy điện Xekaman 3	580.090.082	580.090.082
BĐH TĐ PleiKroong	67.920.000	67.920.000
BĐH DA Thủy điện Hòa Na	231.003.516	231.003.516
BĐH TĐ Huội Quảng	47.070.296	47.070.296
BĐH DA Thủy điện Lai Châu	796.729.226	796.729.226
BĐH DA Thủy điện Đồng Nai 5	533.287.915	533.287.915
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	3.131.009.944	2.444.917.637
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	18.164.783	18.164.783
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	602.691.813	602.691.813
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	437.519.967	437.519.967
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	716.265.675	716.265.675
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	10.586.000	10.586.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	855.860.755	855.860.755
Công ty TNHH Xekaman 3	233.870.459	233.870.459
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	44.816.197	44.816.197
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>5.032.750.346</b>	<b>3.932.283.855</b>
<b>Cộng</b>	<b>14.061.905.466</b>	<b>12.275.346.668</b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Khoản cho Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (là bên liên quan) vay với lãi suất theo lãi suất của Tổng công ty Sông Đà - CTCP, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2012, khoản vay được gia hạn lần thứ 5 tới ngày 12 tháng 12 năm 2020.

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>6.068.709.593</b>	<b>(4.711.094.625)</b>	<b>5.266.388.922</b>	<b>(3.908.773.954)</b>
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	6.068.709.593	(4.711.094.625)	5.266.388.922	(3.908.773.954)
- Tiền lãi cho vay				
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.867.603.806</b>	<b>-</b>	<b>1.930.348.501</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	1.314.848.973	-	801.949.615	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà - Cổ tức	120.017.150	-	120.017.150	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	32.193.425	-	104.991.013	-
Ký quỹ, ký cược	54.102.652	-	450.107.128	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	346.441.606	-	453.283.595	-
<b>Cộng</b>	<b>7.936.313.399</b>	<b>(4.711.094.625)</b>	<b>7.196.737.423</b>	<b>(3.908.773.954)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Các bên liên quan</b>	<b>20.471.185.210</b>	<b>(17.333.821.462)</b>	<b>20.179.329.864</b>	<b>(16.790.293.875)</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	5.450.652.284	(4.597.725.548)	5.699.445.368	(4.846.518.632)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	349.960.199	(349.960.199)	349.960.199	(349.960.199)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	3.212.896.478	(3.212.896.478)	3.222.896.478	(3.222.896.478)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	10.872.201.014	(8.821.634.461)	10.321.552.584	(8.019.313.790)
Trong đó: Tiền cung cấp dịch vụ	5.605.812.092	(4.110.539.836)	5.605.812.092	(4.110.539.836)
Lãi cho vay	5.266.388.922	(4.711.094.625)	4.715.740.492	(3.908.773.954)
Công ty TNHH điện Xekaman 3	585.475.235	(351.604.776)	585.475.235	(351.604.776)
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>18.758.786.498</b>	<b>(11.250.265.323)</b>	<b>16.030.719.414</b>	<b>(10.631.945.733)</b>
<b>Cộng</b>	<b>39.229.971.708</b>	<b>(28.584.086.785)</b>	<b>36.210.049.278</b>	<b>(27.422.239.608)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(27.422.239.608)	(28.000.020.359)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.855.236.451)	-
Hoàn nhập dự phòng	693.389.274	537.362.751
Sử dụng dự phòng	-	40.418.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>(28.584.086.785)</b>	<b>(27.422.239.608)</b>

**7. Hàng tồn kho**

Là chi phí dở dang dịch vụ tư vấn các công trình, bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Thủy điện Nam Emoun	321.511.401	709.473.694
Công trình Thủy điện Xekaman 3	2.529.367.551	2.683.598.968
Công trình Thủy điện Đắk Mi 2	88.297.172	895.901.109
Công trình Thủy điện Khánh Xuân	149.574.165	2.797.771.879
Các công trình khác	13.715.834.959	13.727.291.920
<b>Cộng</b>	<b>16.804.585.248</b>	<b>20.814.037.570</b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	226.493.763	42.836.363
Chi phí khác	128.019.231	151.433.335
<b>Cộng</b>	<b>354.512.994</b>	<b>194.269.698</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	151.997.362	222.243.006
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	39.888.760	571.446.037
<b>Cộng</b>	<b>191.886.122</b>	<b>793.689.043</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	5.788.013.550	6.452.253.109	5.489.313.492	218.925.800	17.948.505.951
Mua trong năm	-	330.909.091	-	-	330.909.091
Thanh lý, nhượng bán	-	(716.407.328)	-	-	(716.407.328)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.788.013.550</b>	<b>6.066.754.872</b>	<b>5.489.313.492</b>	<b>218.925.800</b>	<b>17.563.007.714</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	5.788.013.550	3.659.585.781	3.262.495.310	218.925.800	12.929.020.441
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	5.788.013.550	5.124.230.455	4.216.591.088	218.925.800	15.347.760.893
Khấu hao trong năm	-	461.835.053	335.271.060	-	797.106.113
Thanh lý, nhượng bán	-	(716.407.328)	-	-	(716.407.328)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.788.013.550</b>	<b>4.869.658.180</b>	<b>4.551.862.148</b>	<b>218.925.800</b>	<b>15.428.459.678</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	-	1.328.022.654	1.272.722.404	-	2.600.745.058
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.197.096.692</b>	<b>937.451.344</b>	<b>-</b>	<b>2.134.548.036</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 937.451.344 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ.

**10. Người mua trả tiền ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b><i>Trả trước của các bên liên quan</i></b>	<b>420.862.521</b>	<b>562.224.287</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	150.000.000	368.750.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	212.388.234	135.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	58.474.287	58.474.287
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>	<b>7.663.657.121</b>	<b>8.427.266.917</b>
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	-	531.794.688
BQL Dự án Vinacomin	-	1.204.545.455
Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	651.525.000	180.625.000
Công ty Cổ phần Quang Đức Kontum	926.824.800	-
Các khách hàng khác	6.085.307.321	6.510.301.774
<b>Cộng</b>	<b>8.084.519.642</b>	<b>8.989.491.204</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	501.001.823	2.700.827.481	(2.175.985.787)	1.025.843.517
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.156.438	397.872.560	(320.904.916)	157.124.082
Thuế thu nhập cá nhân	44.502	468.134.444	(223.428.479)	244.750.467
Tiền thuê đất	-	392.538.820	(392.538.820)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.675.543	(6.675.543)	-
<b>Cộng</b>	<b>581.202.763</b>	<b>3.966.048.848</b>	<b>(3.119.533.545)</b>	<b>1.427.718.066</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.798.771.319	1.604.078.053
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	43.175.543	4.182.217
- Các khoản điều chỉnh tăng	43.175.543	4.182.217
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.841.946.862</b>	<b>1.608.260.270</b>
Thu nhập được miễn thuế	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>2.841.946.862</b>	<b>1.608.260.270</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>568.389.372</b>	<b>321.652.054</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm<sup>(*)</sup></b>	<b>(170.516.812)</b>	<b>(96.495.616)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>397.872.560</b>	<b>225.156.438</b>

(\*) Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019 theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho khu đất đang sử dụng làm trụ sở công ty với mức tiền thuê như sau:

	Mức tiền thuê
Đất nằm ngoài chỉ giới mở đường (869,9 m <sup>2</sup> )	537.593 VND/m <sup>2</sup>
Đất nằm trong chỉ giới mở đường (96,5 m <sup>2</sup> )	268.797 VND/m <sup>2</sup>

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 12. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

### 12a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>665.550.000</b>	<b>1.371.710.460</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	665.550.000	1.371.710.460
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>8.148.828.440</b>	<b>10.071.169.960</b>
Kinh phí công đoàn	623.490.724	523.521.086
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	639.274.000	1.278.727.520
Vay lương nhân viên (*)	5.851.244.780	6.985.439.661
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.034.818.936	1.283.481.693
<b>Cộng</b>	<b>8.814.378.440</b>	<b>11.442.880.420</b>

(\*) Là khoản tiền Công ty mượn tạm từ nguồn lương của cán bộ công nhân viên để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 12b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận đặt cọc tiền thuê mặt bằng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cà phê Cao Nguyên.

## 13. Vay

### 13a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>2.084.907.584</b>	<b>8.093.918.385</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	6.556.048.743
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ <sup>(i)</sup>	1.994.907.584	1.301.869.642
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.13b)</b>	<b>90.000.000</b>	<b>236.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.084.907.584</b>	<b>8.093.918.385</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức để bổ sung vốn lưu động thực hiện các công trình đã ký kết hợp đồng. Lãi suất áp dụng tại từng thời điểm. Hạn mức cấp tín dụng tối đa là: 30.000.000.000 VND, hạn mức cho vay tối đa là 10.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Các khoản bảo lãnh được đảm bảo bằng sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi hoặc ký quỹ bằng 5%/giá trị bảo lãnh đối với mỗi khoản bảo lãnh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm	7.857.918.385	236.000.000	8.093.918.385
Số tiền vay phát sinh	9.081.443.425	-	9.081.443.425
Số kết chuyển từ vay dài hạn	-	90.000.000	90.000.000
Số tiền vay đã trả	(14.944.454.226)	(236.000.000)	(15.180.454.226)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.994.907.584</b>	<b>90.000.000</b>	<b>2.084.907.584</b>

**13b. Vay dài hạn**

Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ để mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ 01 lần. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay.

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Từ 1 năm trở xuống	90.000.000	236.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	76.000.000	171.000.000
<b>Cộng</b>	<b>166.000.000</b>	<b>407.000.000</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	171.000.000	407.000.000
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(90.000.000)	(236.000.000)
Số tiền vay đã trả	(5.000.000)	
<b>Số cuối năm</b>	<b>76.000.000</b>	<b>171.000.000</b>

**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Chi quỹ trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	945.674.267	557.528.000	(300.000.000)	1.203.202.267
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	306.000.000	-	(300.000.000)	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.251.674.267</b>	<b>557.528.000</b>	<b>(600.000.000)</b>	<b>1.209.202.267</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 15. Vốn chủ sở hữu

##### 15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	2.578.041.218	50.664.598.243
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	1.378.921.615	1.378.921.615
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(657.528.156)	(657.528.156)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.304.824.000)	(1.304.824.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>8.502.618.712</b>	<b>(620.000)</b>	<b>13.487.458.313</b>	<b>1.994.610.677</b>	<b>50.081.167.702</b>
Số dư đầu năm nay	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	1.994.610.677	50.081.167.702
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	2.400.898.759	2.400.898.759
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(557.528.000)	(557.528.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.304.824.000)	(1.304.824.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>8.502.618.712</b>	<b>(620.000)</b>	<b>13.487.458.313</b>	<b>2.533.157.436</b>	<b>50.619.714.461</b>

##### 15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ: Tổng công ty Sông Đà - CTCP	13.311.000.000	13.311.000.000
Các cổ đông khác	12.786.100.000	12.786.100.000
<b>Cộng</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>26.097.100.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 15c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.609.710	2.609.710
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	2.609.710	2.609.710
- Cổ phiếu phổ thông	2.609.710	2.609.710
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	62	62
- Cổ phiếu phổ thông	62	62
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.609.648	2.609.648
- Cổ phiếu phổ thông	2.609.648	2.609.648
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 15d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 54/NQ/2021/ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 1.304.824.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 557.528.000

#### 16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 16a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 1.391,09 USD (số đầu năm là 1.401,46 USD).

##### 16b. Nợ khó đòi đã xử lý

Là khoản nợ phải thu khách hàng đã xóa nợ, số tiền 40.418.000 VND (số đầu năm: 40.418.000 VND).



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

Là doanh thu dịch vụ đã cung cấp trong năm.

##### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho công ty con. Các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	387.986.119	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	-	433.071.137
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	-	826.197.272
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	740.909.091	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	5.970.558.659	15.902.184.265
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	407.096.329	455.037.864
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.367.084.465	529.530.980
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	407.503.636	-

#### 2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn dịch vụ đã cung cấp trong năm.

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	170.000.108	220.932.469
Lãi tiền cho vay	802.320.671	550.648.430
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	-	3.039.758
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	1.021.484.564	-
<b>Cộng</b>	<b>1.993.805.343</b>	<b>774.620.657</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	387.221.430	866.142.760
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	(712.080.170)	645.704.326
Chi phí bán cổ phiếu	4.076.825	-
<b>Cộng</b>	<b>(320.781.915)</b>	<b>1.511.847.086</b>

002  
NH  
TY  
HUU  
TƯ  
C  
NỘI  
TP



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	5.770.781.356	5.907.408.904
Chi phí vật liệu quản lý	418.934.476	419.378.360
Chi phí đồ dùng văn phòng	260.055.103	527.202.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	308.372.082	227.675.148
Thuế, phí và lệ phí	321.350.249	318.462.114
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	1.161.847.177	(537.362.751)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	802.931.167	573.843.125
Các chi phí khác	771.539.872	658.526.319
<b>Cộng</b>	<b>9.815.811.482</b>	<b>8.095.134.113</b>

**6. Thu nhập khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.636.364	5.542.727
Thu nhập khác	1.534.664	52.372
<b>Cộng</b>	<b>9.171.028</b>	<b>5.595.099</b>

**7. Chi phí khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Phạt do vi phạm hợp đồng	27.541.099	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.675.543	4.182.217
<b>Cộng</b>	<b>30.216.642</b>	<b>4.182.217</b>

**8. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.208.510.568	4.315.853.682
Chi phí nhân công	29.845.790.638	29.644.260.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	797.106.113	913.998.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.829.217.035	7.332.419.018
Chi phí khác	4.238.821.968	5.434.458.945
<b>Cộng</b>	<b>42.919.446.322</b>	<b>47.640.991.268</b>

**10. Cam kết thuê hoạt động**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Từ 1 năm trở xuống	493.591.061	493.591.061
Trên 1 năm đến 5 năm	1.974.364.244	1.974.364.244
Trên 5 năm	13.738.284.531	14.231.875.592
<b>Cộng</b>	<b>16.206.239.836</b>	<b>16.699.830.897</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 996.4 m2 đất Nhà nước cho thuê 50 năm trả tiền thuê đất hàng năm là nơi đặt trụ sở chính của Công ty, địa chỉ 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá thuê 537.593 VND/m2 869,9 m2 đất nằm ngoài chỉ giới mở rộng đường và 268.797 VND/m2/năm với 96,5 m2 đất nằm trong chỉ giới mở đường. Thời hạn thuê đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2004.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có công nợ và không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Cộng
<b>Năm nay</b>					
<b>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>					
Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch	355.280.293	-	60.000.000	415.280.293
Đinh Văn Duẩn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	331.026.470	-	56.000.000	387.026.470
Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	223.710.427	-	36.000.000	259.710.427
Phạm Anh Đức	Thành viên	-	46.500.000	40.000.000	86.500.000
Cù Văn Vinh	Thành viên	-	-	33.500.000	33.500.000
Phùng Hồng Quảng	Phó Tổng Giám đốc	82.375.000	-	-	82.375.000
<b>Ban kiểm soát</b>					
Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng ban	192.866.702	-	27.500.000	220.366.702
Trần Thế Anh	Thành viên	-	27.900.000	14.500.000	42.400.000
Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên	-	27.900.000	14.500.000	42.400.000
<b>Cộng</b>		<b>1.185.258.892</b>	<b>102.300.000</b>	<b>282.000.000</b>	<b>1.569.558.892</b>

#### **Năm trước**

#### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch	364.800.707	-	-	364.800.707
Đinh Văn Duẩn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	280.896.530	-	-	280.896.530
Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	181.292.573	-	-	181.292.573



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

		<b>Tiền lương</b>	<b>Thù lao</b>	<b>Tiền thưởng</b>	<b>Cộng</b>
Phạm Anh Đức	Thành viên	-	54.000.000	-	54.000.000
Cù Văn Vinh	Thành viên	-	54.000.000	-	54.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>					
Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng ban	204.564.599	-	-	204.564.599
Trần Thế Anh	Thành viên	-	32.400.000	-	32.400.000
Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên	-	32.400.000	-	32.400.000
<b>Cộng</b>		<b>1.031.554.409</b>	<b>172.800.000</b>	<b>-</b>	<b>1.204.354.409</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Công ty con
Các Công ty Con của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Các Công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty liên kết của công ty mẹ

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP		
Chia cổ tức	665.550.000	665.460.240
Tiền điện phải trả Công ty mẹ	312.953.550	546.817.919
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào		
Lãi vay phải thu	802.320.671	550.648.430

**Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.10, và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

## 2. Thông tin về bộ phận

### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	41.196.533.418	6.237.594.901	47.434.128.319
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>41.196.533.418</b>	<b>6.237.594.901</b>	<b>47.434.128.319</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.943.816.176	1.377.224.981	10.321.041.157
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(9.815.811.482)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			505.229.675
Doanh thu hoạt động tài chính			1.993.805.343
Chi phí tài chính			320.781.915
Thu nhập khác			9.171.028
Chi phí khác			(30.216.642)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(397.872.560)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>2.400.898.759</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>330.909.091</b>	<b>-</b>	<b>330.909.091</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>312.827.743</b>	<b>1.373.632.326</b>	<b>1.686.460.069</b>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	43.342.682.356	8.905.992.167	52.248.674.523
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>43.342.682.356</b>	<b>8.905.992.167</b>	<b>52.248.674.523</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	9.059.273.511	1.375.752.202	10.435.025.713
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(8.095.134.113)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.339.891.600
Doanh thu hoạt động tài chính			774.620.657
Chi phí tài chính			(1.511.847.086)
Thu nhập khác			5.595.099
Chi phí khác			(4.182.217)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(225.156.438)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>1.378.921.615</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	192.454.687	39.545.313	232.000.000
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	1.697.714.194	348.843.876	2.046.558.070

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	57.265.834.505	5.077.322.254	62.343.156.759
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			21.972.113.320
<b>Tổng tài sản</b>			<b>84.315.270.079</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	12.570.717.836	362.388.234	12.933.106.070
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			20.762.449.548
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>33.695.555.618</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	58.707.324.599	6.120.475.004	64.827.799.603
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			27.383.693.155
<b>Tổng tài sản</b>			<b>92.211.492.758</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15.015.208.362	368.750.000	15.383.958.362
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			42.130.325.056
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>42.130.325.056</b>

**2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế, thí nghiệm, khảo sát công trình,...

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Thuận

Lê Minh Quyết

Đinh Văn Duẩn